TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 02 năm 2026
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Bà Nguyễn Thị Vân.
- Thư ký phiên tòa: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2026, giữa các đương sự:

*/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng C, sinh ngày 08/10/1941; CCCD: 001041003242, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 25/4/2021.

*/ Bị đơn: Bà Nghiêm Thị D, sinh ngày 15/7/1949; CCCD: 001149003982, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 10/7/2021.

Đều HKTT: thôn MH, xã UT, TP. Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Trọng C là nguyên đơn trình bày: ông và bà Nghiêm Thị D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà (nay là xã UT), thành phố Hà Nội năm 2014. Trong thời gian đầu tình cảm vợ chồng thật đằm thắm, ai ai đều thấy mừng. Sau chỉ một thời gian không lâu, vợ ông nổi cơn

ghen vô cớ, bà lớn tiếng vu cho ông có quan hệ tình cảm bất chính với nhiều người khac, nào đâu ông có thế, nên ông không chấp thuận lời nói của vợ; thế là vợ ông sinh sự lu loa lớn tiếng hơn và đi bêu rếu ông với nhiều người trong làng, cực chẳng đã ông nay tuổi đã cao, sức đã yếu, trong người lại mang nhiều bệnh tật, gặp sự cố này ông sinh ra mất ngủ nên sức khoẻ có phần tụt nhanh chóng, thế mà vợ ông cứ lờ như không biết gì; bà D cứ bỏ nhà đi chơi tứ tung, chả mấy khi có mặt ở nhà. Thậm chí, ngày 10/10 âm lịch vừa qua bà D gọi điện cho con gái riêng của bà, con gái riêng của bà về nhà ông sinh sự chửi mắng om xòm rồi chị cùng bà D dọn dẹp đồ đạc quần áo bỏ nhà ông ra đi và tuyên bố không qua lại nữa, uất quá đi thôi, không chịu nỗi nữa rồi. Ông xin toà giải quyết cho ông được ly hôn để tránh tai hoạ không đáng có.

Về con chung, Về tài sản chung, nợ chung: không có, ông không yêu cầu toà án giải quyết.

Ông Cơng quyết xin ly hôn, bà D với con gái bà D cố tình gây khó khăn cho ông, không về toà án giải quyết, tuổi ông đã cao, sức khoẻ giảm sút do gần đây mất ngủ, ông lại ở một mình, các con đều ở xa nên ông đề nghị Toà không tiến hành hoà giải giữa hai vợ chồng ông, đề nghị Toà đưa vụ án ra xét xử. Ông xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của toà án, xin được vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án, đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Ông từ chối nhận các văn bản tố tụng của toà án, ông chỉ cần toà án gửi cho ông bản án ly hôn. Ông cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì.

Bị đơn – bà Nghiêm Thị D: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã UT, Công an xã UT thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nghiêm Thị D, sinh năm 1949 tự nguyện kết hôn với ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1941 tại UBND xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà (nay là xã UT) thành phố Hà Nội, ngày 19/12/2014; Sau khi kết hôn bà D chuyển về sinh sống tại nhà ông C ở thôn MH, xã UT, thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn vợ chồng bà D và ông C cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm được. Chỉ biết thông qua dư luận quần chúng nhân dân hiện bà D và ông C đang sống ly thân. Bà D và ông C không có con chung. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về nơi C trú của bà D: bà D có nơi đăng ký thường trú tại thôn MH, xã UT, thành phố Hà Nội. Hiện bà D không có ở nhà và địa phương, bà D đi đâu làm gì chính quyền địa phương không biết do bà D không khai báo.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các

đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội Dng vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông C được ly hôn với bà D; ông C nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Trọng C làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bà Nghiêm Thị D là bị đơn có địa chỉ C trú tại: thôn MH, xã UT, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ bà D đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà D vắng mặt không có lý do; ông C xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Trọng C và bà Nghiêm Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà (nay là xã UT) thành phố Hà Nội, ngày 19/12/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông C trình bày là do bà D nổi cơn ghen vô cớ, bà lớn tiếng vu cho ông có quan hệ tình cảm bất chính với nhiều người khác, ông không chấp thuận lời nói của bà; thế là bà D sinh sự lu loa lớn tiếng hơn và đi bêu rếu ông với nhiều người trong làng; bà D cứ bỏ nhà đi chơi tứ tung, chả mấy khi có mặt ở nhà; đỉnh điểm là ngày 10/10 âm lịch vừa qua bà D gọi điện cho con gái riêng của bà, con gái riêng của bà về nhà ông sinh sự chửi mắng om xòm rồi chị cùng bà D dọn dẹp đồ đạc quần áo bỏ nhà ông ra đi và tuyên bố không qua lại nữa. Ông C Cơng quyết xin được ly hôn với bà D; bà D không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, ông C và bà D tuổi đã cao, hai người đến với nhau để nương tựa tuổi già nhưng khi về chung sống lại phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, hiện

đã sống ly thân, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của ông C, xử cho ông C được ly hôn với bà D là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông C và bà D không có con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Ông C không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; bà D không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông C phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Trọng C được ly hôn bà Nghiêm Thị D.

2. Về án phí: ông Nguyễn Trọng C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0019916 ngày 16 tháng 12 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi C trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 - Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện